

Số: 03 /KL-STC

Bình Định, ngày 09 tháng 12 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách tại Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Bình Định

Thực hiện Quyết định số 261/QĐ-STC ngày 22/9/2022 của Giám đốc Sở Tài chính Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách tại Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Bình Định, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 261/QĐ-STC đã tiến hành thanh tra thực tế tại đơn vị từ ngày 27/9/2022 đến ngày 14/10/2022.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 25/10/2022 của Trưởng Đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Tài chính kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG:

1. Tình hình chung của Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Bình Định

1.1. Khái quát về Trường:

Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Bình Định (Trường PTDTNT THPT Bình Định, sau đây gọi tắt là Trường) tiền thân là Trường Phổ thông Nội trú Dân tộc cấp 2-3 tỉnh Bình Định đến ngày 15/02/2019 UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 455/QĐ-UBND đổi tên thành Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Bình Định. Trường có tư cách pháp nhân, trụ sở đặt tại 227, Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Quy Nhơn. Trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định, là đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi hoạt động. Trường thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ:

- Trường PTDTNT THPT Bình Định nằm trong hệ thống các trường phổ thông công lập của cả nước; có vị trí mũi nhọn trong sự nghiệp giáo dục học sinh ở miền núi, vùng dân tộc; là cơ sở giáo dục tạo nguồn đào tạo cán bộ dân tộc cho các huyện miền núi trong tỉnh.

- Nhiệm vụ của nhà trường là giảng dạy và giáo dục toàn diện học sinh dân tộc nội trú theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Nhà trường xây dựng mối quan hệ tốt với các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và cộng đồng dân tộc

nơi có học sinh theo học để tạo ra môi trường phối hợp giáo dục học sinh dân tộc nội trú tốt nhất.

1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy:

Trong năm 2021, Trường có 47 cán bộ, giáo viên và nhân viên (Cán bộ quản lý: 03 người gồm Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng; giáo viên: 26 người; nhân viên: 18 người). Có 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó có 8/26 giáo viên có trình độ thạc sĩ; 5/26 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Cán bộ quản lý và nhân viên đều đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Trường có 04 tổ chuyên môn, 2 tổ phục vụ gồm: Tổ Toán - Lý: 7 người, Tổ Hóa - Sinh - Thể dục - Giáo dục quốc phòng: 7 người, Tổ Văn, Sử - Địa - Giáo dục công dân: 9 người, Tổ Ngoại ngữ - Tin: 8 người, Tổ Văn phòng: 7 người, Tổ cấp dưỡng: 9 người.

Bộ phận Tài chính kế toán của Trường thuộc Tổ Văn phòng, gồm 01 kế toán, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính và thống kê của đơn vị.

1.4. Những thuận lợi và khó khăn:

- Thuận lợi:

+ Là trường chuyên biệt, nhà trường được sự quan tâm đặc biệt của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở ban ngành.

+ Học sinh là người dân tộc ít người đa số các em thật thà, ngoan hiền, thẳng thắn, vâng lời thầy cô giáo và có tinh thần đoàn kết tốt.

+ Học sinh ở nội trú nên thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động tập thể trong nhà trường.

- Khó khăn:

+ Chất lượng của học sinh đầu vào rất thấp, nhiều em bị hồng kiến thức cơ bản từ các cấp học dưới nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình dạy, học và việc nâng cao chất lượng giáo dục.

+ Là Trường PT DTNT nên nhà trường phải thực hiện vừa công tác giảng dạy vừa thực hiện công tác nuôi dưỡng nên công tác quản lý khá phức tạp.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021:

Đầu năm học 2021-2022 nhà trường có 12 lớp với 360 học sinh; trong đó có 04 lớp 10 với 120 học sinh, 04 lớp 11 với 105 học sinh và 04 lớp 12 với 135 học sinh.

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm:

Năm học	Tổng số	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
2020-2021	339	279	82,30	60	17,70				

2021-2022	353	288	81,59	65	18,41				
<i>So sánh năm học 2021-2022 với năm học 2020-2021</i>		<i>giảm 0,71%</i>		<i>tăng 0,71%</i>					

- Kết quả xếp loại học lực:

Năm học	Tổng số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
2020-2021	339	34	10,03	139	41	145	42,77	21	6,20
2021-2022	353	49	13,88	195	55,24	104	29,46	5	1,42
<i>So sánh năm học 2021-2022 với năm học 2020-2021</i>		<i>tăng 3,85%</i>		<i>tăng 14,24%</i>		<i>giảm 13,31%</i>		<i>giảm 4,78%</i>	

- Tình hình học sinh bỏ học: tổng số học sinh đầu năm 360 học sinh, tổng số học sinh cuối năm học 353 học sinh, số học sinh bỏ học: 4 học sinh, số học sinh chuyển trường: 3 học sinh. Số học sinh bỏ học giảm 11 học sinh so với năm học 2020-2021.

- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2021: 80/84 học sinh, tỷ lệ: 95,24%.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH:

1. Việc ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

1.1. Căn cứ ban hành:

Để ban hành được Quy chế chi tiêu nội bộ Trường cần phải căn cứ vào các quy định của Nhà nước về thẩm quyền, cơ chế tài chính của Trường. Qua kiểm tra các quy định trên Trường còn các tồn tại sau:

- Thiếu quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường được cấp thẩm quyền phê duyệt. Theo điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, hội đồng trường phải thực hiện: quyết định về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt...nhưng từ trước đến nay Trường chưa thực hiện.

- Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc tiếp tục thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực từ 01/01/2017), trong đó, Trường là đối tượng thực hiện. Theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, cứ sau 3 năm thì Trường phải xây dựng lại phương án tự chủ để trình UBND tỉnh quyết định phân loại lại mức độ tự đảm bảo kinh phí, xác định mức độ tự chủ để thực hiện trong thời gian ổn định nhưng Trường chưa thực hiện

sau khi hết thời hạn quy định (năm 2022, Trường mới được UBND tỉnh Bình Định giao quyền tự chủ tại Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 về việc phê duyệt phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2022-2025 - thực hiện tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP).

Như vậy, ngoài cơ chế tài chính được quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thiếu các căn cứ pháp lý để ban hành. Trong khi đó Nghị định số 43/2006/NĐ-CP có nhiều vướng mắc, đã hết hiệu lực, được thay thế bằng Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và sau đó được thay thế bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021.

1.2. Thẩm quyền, thủ tục:

Trên cơ sở các văn bản của Nhà nước về tổ chức, hoạt động và tài chính, Trường đã tổ chức thông qua hội nghị Hội đồng cán bộ, giáo viên, nhân viên ngày 07/12/2020, được Chủ tịch công đoàn xác nhận, Hiệu trưởng Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 tại Quyết định số 293/QĐ-DTNT ngày 30/12/2020. Trong năm 2021, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 140/QĐ-DTNT ngày 22/6/2021 của Hiệu trưởng Trường về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021.

Như vậy, Trường đã thực hiện đúng các trình tự và thẩm quyền ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi đến Sở Giáo dục và Đào tạo để báo cáo nhưng thiếu văn bản gửi kèm theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

1.3. Nội dung:

Nhìn chung, các nội dung chi cho hoạt động của Trường đã được Trường quy định đầy đủ, cụ thể, chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên, do chưa cập nhật đầy đủ các quy định của Nhà nước nên Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có các tồn tại sau đây:

- Quy định giờ làm việc cho bộ phận lãnh đạo và hành chính là 39 giờ/tuần thấp hơn quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17/9/1999 về việc thực hiện chế độ tuần làm việc 40 giờ.

- Chưa quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm nhằm tránh sử dụng các nguồn kinh phí trái quy định theo khoản 2 Điều 26 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

- Khoản 6.1 Điều 4: quy định tiền lương...thực hiện theo Công văn (thực chất là Nghị định) số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ là không đúng vì đây là quy định mức lương tối thiểu chung, đã hết hiệu lực, qua nhiều lần thay đổi thì thời điểm năm 2021 thực hiện theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Khoản 6.1 Điều 4: Phụ cấp thâm niên nghề giáo theo Thông tư (thực chất là Nghị định) số 54/NĐ-CP ngày 07/4/2011 là không đúng. Nghị định này đã

được thay thế bởi Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo, có hiệu lực từ 01/7/2020.

- Khoản 7 Điều 4: áp dụng cách tính tiền lương làm thêm giờ cho bộ phận lãnh đạo và hành chính là 26 ngày/tháng là không phù hợp với điểm a4 khoản 1 Điều 54 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17/9/1999. Trong thực tế, Trường không phát sinh nội dung này.

- Khoản 12 Điều 4: Chi cho cán bộ, giáo viên được cử đi đào tạo. Là đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo hoàn toàn kinh phí, Trường cần bố trí nội dung chi này vào kinh phí không khoán chi và đề nghị ngân sách bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo: “Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, nếu nguồn kinh phí của đơn vị không đáp ứng để thực hiện chính sách thì được ngân sách nhà nước xem xét hỗ trợ theo phân cấp ngân sách”.

- Điều 11: Chi tiền công tác phí, Trường căn cứ vào Công văn số 435/SGDDĐT ngày 26/3/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai văn bản quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định là không đúng vì đây không phải là văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, Sở Giáo dục và Đào tạo cũng không có thẩm quyền ban hành các quy định về lĩnh vực này, thực chất đây là công văn chỉ đạo triển khai thực hiện chế độ công tác phí của Sở Giáo dục và Đào tạo. Trường phải căn cứ Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Điều 13: Chi tiếp khách. Trường căn cứ theo Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định mức chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Bình Định là không đúng. Quyết định này đã được thay thế bởi Quyết định 28/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định một số mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Một số lỗi do kỹ thuật soạn thảo như nêu các văn bản không cần thiết hoặc không nêu các văn bản cần áp dụng; quy định những nội dung không có tại đơn vị, không sát thực tế...

1.4. Về thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

Do Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường quy định một số nội dung chi không đúng theo tiêu chuẩn định mức của Nhà nước nên khi thực hiện, các khoản chi nêu trên đều không phù hợp với các quy định của Nhà nước. Cụ thể theo các nội dung thanh tra chi tiết dưới đây.

2. Thanh tra việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí không tự chủ tài chính do NSNN cấp:

Trường được NSNN cấp nguồn không tự chủ về tài chính để thực hiện các chế độ cho học sinh dân tộc nội trú, sửa chữa và mua sắm cơ sở vật chất.

Nguồn kinh phí NSNN cấp không tự chủ về tài chính được thực hiện theo các quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo như: Quyết định số 4521/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2020, Quyết định số 887/QĐ-SGDĐT ngày 02/6/2021, Quyết định số 3340/QĐ-SGDĐT ngày 11/10/2021, Quyết định số 3986/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2021, Quyết định số 4679/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2021, Quyết định số 4684/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2021. Số liệu cụ thể như:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	BCQT	Số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0
2	Kinh phí được giao (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	5.845.148.314	5.845.148.314	0
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	5.845.148.314	5.845.148.314	0
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	5.845.148.314	5.817.173.314	0
5	Kinh phí còn tồn cuối năm	0	0	0

Trong năm 2021, Trường được UBND tỉnh cho chủ trương nâng cấp, sửa chữa mặt sân, hệ thống thoát nước trước KTX nam (phía đường Cần Vương); xây dựng nhà chứa rác theo Công văn số 8413/UBND-VX ngày 18/12/2020 với tổng số tiền: 450.000.000 đồng. Ngày 17/3/2021, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 341/QĐ-SGDĐT với tổng số tiền: 450.000.000 đồng. Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, Trường tiến hành đấu thầu để lựa chọn nhà thầu với tổng số tiền: 446.945.000 đồng. Đây là gói thầu xây lắp có giá trị dưới 1 tỷ đồng nên Trường thực hiện chỉ định thầu theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Qua kiểm tra thực tế, Trường thực hiện đúng theo quy định.

3. Thanh tra việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí tự chủ tài chính do NSNN cấp:

Trường được NSNN cấp nguồn tự chủ về tài chính để chi cho bộ máy hoạt động sự nghiệp giáo dục của Trường.

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp tự chủ về tài chính được thực hiện theo các quyết định giao dự toán của Sở Giáo dục và Đào tạo như: Quyết định số 4521/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2020, Quyết định số 686/QĐ-SGDĐT ngày 06/5/2021, Quyết định số 1519/QĐ-SGDĐT ngày 13/8/2021, Quyết định số

2709/QĐ-SGDĐT ngày 20/9/2021, Quyết định số 4347/QĐ-SGDĐT ngày 21/12/2021. Số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	BCQT	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0
2	Kinh phí được giao (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	7.311.631.000	7.177.264.397	134.366.603
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	7.311.631.000	7.177.264.397	134.366.603
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	7.311.631.000	7.086.561.000	90.703.397
5	Kinh phí còn tồn cuối năm	0	70.963.397	70.963.397

Nguyên nhân chênh lệch:

+ Chi hoạt động giảm và nguồn kinh phí hoạt động còn thừa tăng tương ứng 70.963.397 đồng: Theo Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 10/12/2020, UBND tỉnh cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo được sử dụng nguồn CCTL để chi trong dự toán năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo đã giao dự toán cho Trường theo Quyết định số 4521/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2020 về việc giao dự toán đầu năm 2021 với số tiền: 205.330.000 đồng từ nguồn CCTL (mã nguồn 14) để chi lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao. Trong năm 2021, Trường không sử dụng nguồn CCTL để chi lương cho bộ máy mà sử dụng nguồn kinh phí tự chủ (mã nguồn 13) để chi. Đến ngày 26/10/2022, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3508/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên (nguồn CCTL) của Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2022 để thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Thực hiện nội dung này, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 3962/QĐ-SGDĐT ngày 28/10/2022 về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó điều chỉnh giảm dự toán (nguồn CCTL) của Trường số tiền: 134.366.603 đồng. Như vậy, số kinh phí nguồn tự chủ của Trường thực tế chỉ còn (205.330.000 – 134.366.603): 70.963.397 đồng.

+ Thanh toán tiền khen thưởng danh hiệu lao động tiên tiến năm học 2020-2021 giảm: 19.740.000 đồng. Nội dung này chưa được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Ngoài ra, Trường áp dụng mức chi theo Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định trong đó, danh hiệu lao động tiên tiến với mức: 420.000 đồng/cá nhân là chưa phù hợp vì Quyết định này áp dụng mức chi đối với danh hiệu lao động tiên tiến là 0,3 của mức lương cơ sở 1.390.000 đồng (năm học 2020-2021 mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng).

* Trong năm 2021, Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo cho chủ trương mua sắm thiết bị, vật tư tiêu hao nhằm hỗ trợ dạy học tại Công văn số

457/SGDDĐT-KHTC ngày 15/3/2021 với tổng số tiền không vượt quá 275.990.000 đồng. Trường đã tiến hành mua sắm: 261.880.000 đồng. Trong đó:

- Do Trường tổ chức mua sắm (gồm 8 loại hàng hóa khác chủng loại) số tiền: 147.775.000 đồng.

- Mua sắm tập trung do Sở Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức 114.105.000 đồng.

Các gói thầu thuộc diện mua sắm thường xuyên, có giá trị từng gói thầu dưới 100 triệu đồng nên Trường thực hiện mua sắm thiết bị, vật tư tiêu hao theo hình thức chỉ định thầu theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Qua kiểm tra thực tế các gói thầu mua sắm cho thấy, về cơ bản Trường thực hiện quy trình mua sắm đúng theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC, tuy nhiên trong quá trình thực hiện mua sắm Trường còn thiếu dự thảo hợp đồng gửi cho nhà thầu để làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng là chưa phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

4. Thanh tra việc trích lập, sử dụng nguồn CCTL (bao gồm 40% nguồn thu học phí, nguồn thu dịch vụ):

Nguồn CCTL được thực hiện theo các quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo như: Quyết định số 4521/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2020, Quyết định số 686/QĐ-SGDĐT ngày 06/5/2021, Quyết định số 4347/QĐ-SGDĐT ngày 21/12/2021. Số liệu cụ thể như:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	BCQT	Số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	249.661.747	249.661.747	0
2	Kinh phí được giao và trích trong năm (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	173.341.352	173.341.352	0
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	423.003.099	288.636.496	(134.366.603)
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	0	70.963.397	70.963.397
5	Kinh phí còn tồn cuối năm	423.003.099	217.673.099	(205.330.000)

Nguyên nhân chênh lệch:

Như đã phân tích ở điểm 3 Mục II nêu trên, Trường phải sử dụng nguồn CCTL để chi lương cho bộ máy năm 2021 (70.963.397 đồng) và giám dự toán

theo quyết định của UBND tỉnh (134.366.603 đồng) nên nguồn này giảm tương ứng số tiền: 205.330.000 đồng. Do vậy, số dư cuối năm giảm theo tương ứng.

5. Kiểm tra việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021:

Thực hiện Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Công văn số 388/CTr-SGDĐT ngày 08/3/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, Trường đã thực hiện việc xây dựng, ban hành Kế hoạch Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 tại Kế hoạch số 42/KH-DTNT ngày 11/3/2021. Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn theo quy định của Chính phủ tại khoản 4 Điều 11 Mục 3 Chương II Nghị định số 84/2014/NĐ-CP.

Trường đã thực hiện báo cáo Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 tại Báo cáo số 278/BC-DTNT ngày 16/12/2021. Báo cáo của Trường đúng quy định của Bộ Tài chính theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC và Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 về việc quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên, được tích hợp lên hệ thống chung (Trường là đơn vị sự nghiệp không trực thuộc trực tiếp UBND tỉnh và không có đơn vị trực thuộc nên không cần thực hiện báo cáo theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC).

Năm 2021, Trường không thực hiện được việc tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên. Qua thanh tra nhận thấy, thực chất Trường đã tiết kiệm được: 205.330.000 đồng do chưa sử dụng nguồn CCTL để chi lương.

Như vậy, Trường đã thực hiện tương đối đầy đủ công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng thiếu chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn và không thực hiện được việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021.

6. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế toán:

6.1. Việc áp dụng chế độ kế toán, tài khoản kế toán:

Trường là đơn vị dự toán cấp III thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

Trường thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp được ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Trường áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thao tác trên máy vi tính theo chương trình phần mềm kế toán Misa.

6.2. Việc tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán:

Kế toán thuộc bộ phận Văn phòng, bộ máy kế toán của Trường được giao cho 1 người phụ trách, chịu trách nhiệm toàn bộ công tác kế toán của Trường. Nhân sự cho công tác kế toán đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại

Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Nhân sự làm công tác kế toán phù hợp với quy mô và yêu cầu quản lý của Trường.

Phụ trách kế toán đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán. Phụ trách kế toán được bổ nhiệm đúng quy định.

6.3. Việc chấp hành quy định về chứng từ, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán:

Qua thanh tra chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán được lưu trữ tại Trường năm 2021 cho thấy, Trường chấp hành và thực hiện đúng theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC: lập đầy đủ, đúng biểu mẫu, hạch toán đúng quy định, kịp thời các loại chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán. Việc lưu trữ hồ sơ gọn gàng, ngăn nắp, đúng quy định.

6.4. Việc chấp hành quy định công khai tài chính:

Trường đã lập đầy đủ báo cáo công khai dự toán thu, chi thường xuyên năm 2021; công khai tình hình thực hiện dự toán hàng quý, hàng năm; công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC. Việc công khai được thực hiện bằng văn bản đúng nội dung, thời gian, hình thức và biểu mẫu theo quy định. Báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính gửi đến Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định đúng thời gian quy định.

III. KẾT LUẬN:

1. Ưu điểm và kết quả đạt được:

- Trường đã thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định giao. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời các nhu cầu hoạt động dạy và học của trường, hoạt động hỗ trợ giáo dục, hoạt động quản lý, nuôi dưỡng học sinh dân tộc nội trú đảm bảo chất lượng tốt.

- Tuân thủ đầy đủ các quy trình, thủ tục về lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Sử dụng các nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Khuyết điểm, tồn tại:

2.1. Trong việc ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

- Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường thiếu các căn cứ pháp lý để ban hành: Thiếu quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường được cấp thẩm quyền phê duyệt. Chưa thực hiện đúng quy định của Chính phủ tại Điều 9, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, cứ sau 3 năm thì Trường phải xây dựng lại phương án tự chủ.

- Quy định giờ làm việc cho bộ phận lãnh đạo và hành chính thấp hơn quy định chung.

- Chưa quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm nhằm tránh sử dụng các nguồn kinh phí trái quy định. Chưa quy định rõ nguồn kinh phí hỗ trợ cán bộ được cử đi học.

- Quy định thực hiện hoặc viện dẫn các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không đúng nội dung như: quy định tiền lương thực hiện theo Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ, phụ cấp thâm niên nghề giáo theo Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 07/4/2011 của Chính phủ, chi tiền công tác phí theo Công văn số 435/SGDDĐT ngày 26/3/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo, chi tiếp khách theo Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh Bình Định.

- Áp dụng cách tính tiền lương làm thêm giờ cho bộ phận lãnh đạo và hành chính là 26 ngày/tháng là không phù hợp.

- Một số lỗi do kỹ thuật soạn thảo như nêu các văn bản không cần thiết hoặc không nêu các văn bản cần áp dụng, quy định những nội dung không có tại đơn vị, không sát thực tế...

2.2. Trong việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí tự chủ:

- Sử dụng chưa đúng nguồn kinh phí: theo quyết định của cấp có thẩm quyền Trường được sử dụng nguồn kinh phí CCTL số tiền: 205.330.000 đồng để chi lương cho bộ máy nhưng Trường chưa sử dụng mà sử dụng nguồn kinh phí tự chủ để chi.

- Thanh toán tiền khen thưởng danh hiệu lao động tiên tiến năm học 2020-2021 trong khi chưa được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ số tiền: 19.740.000 đồng.

2.3. Trong việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Thiếu chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn và không thực hiện được việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021.

*** Nguyên nhân để xảy ra các sai sót, vi phạm:**

- Hiệu trưởng Trường chưa chú trọng đến công tác tài chính; phụ thuộc vào sự tham mưu của bộ phận tài chính, kế toán.

- Kế toán không cập nhật kịp thời, đầy đủ các quy định của Nhà nước, nhận thức chưa đầy đủ về chế độ tài chính nên chưa áp dụng đúng vào đơn vị.

Trách nhiệm trong việc để xảy ra các sai sót vi phạm trên thuộc về Hiệu trưởng và Phụ trách kế toán Trường.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:

Không có

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1. Đối với Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Bình Định:

1.1. Căn cứ Kết luận thanh tra Trường tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và có biện pháp xử lý cho phù hợp; rút kinh nghiệm về những khuyết điểm, tồn tại và có biện pháp chấn chỉnh.

1.2. Bộ phận kế toán cập nhật kịp thời pháp luật của Nhà nước về tài chính, kế toán để vận hành công tác tài chính, kế toán đúng quy định.

1.3. Xây dựng lại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ngay trong năm 2022 để làm căn cứ thực hiện. Hàng năm, rà soát sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo đúng quy định.

1.4. Điều chỉnh giảm dự toán nguồn kinh phí CCTL theo quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo: 134.366.603 đồng. Điều chỉnh giảm số dư nguồn kinh phí CCTL, tăng số dư của nguồn kinh phí tự chủ số tiền: 70.963.397 đồng và có phương án phân phối khoản kinh phí tiết kiệm được này cho các quỹ của Trường theo quy định trong niên độ ngân sách năm 2022.

1.5. Không thu hồi khoản chi tiền khen thưởng chưa được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ số tiền: 19.740.000 đồng nhưng đề nghị Trường rút kinh nghiệm và chấm dứt khoản chi này.

1.6. Công khai Kết luận thanh tra theo quy định.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:

2.1. Phối hợp với các cơ quan điều chỉnh nguồn kinh phí CCTL của Trường đúng quy định.

2.2. Chỉ đạo và hướng dẫn Trường thực hiện Kết luận thanh tra

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2021 tại Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Bình Định. Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Bình Định và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản đến Sở Tài chính theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ về quy định việc thực hiện kết luận thanh tra./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Trường PT DTNT THPT Bình Định;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (phối hợp);
- Giám đốc Sở Tài chính;
- Phó GD Sở TC – Đ.T.Hương;
- Lưu: VT, HCSN, TTr, Websiete Sở, Đoàn TTr.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thu Hương